**BÀI 9**

**MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | | |
| Nhận thức công nghệ | - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loài vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.  - Trình bày được nội dung cơ bản về phương thức chăn nuôi | (a2.2.1)  (a2.2.2) |
| Đánh giá công nghệ | Đưa ra được nhận xét về các phương thức chăn muôi, lựa chọn được phương thức chăn nuôi | (e2.2.1) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | | |
| Tự chủ và tự học | Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc băng ghi tóm tắt các từ khóa, ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính | (1) |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản của bài học. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phân việc được giao; góp ý, điều chỉnh, thúc đấy hoạt động chung, khiêm tôn học hỏi các thành viên trong nhóm. | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức vê nliệm vụ học tập, vận dụng kiên thức, kĩ năng về phương thức chăn nuôi vào học tập và thực tiễn chăn nuôi | (3) |
| Trách nhiệm | Quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Video (về một số vật nuôi đang ăn) | - Hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam** | - Phiếu học tập số 2-  Hình 9.1, 9.2, 9.3,9.4 SGK | - Hoàn thành phiếu học tập số 2 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 2.2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam** | - Phiếu học tập số 3,4  - Hình 9.5 SGK | - Hoàn thành phiếu học tập số 3,4 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Bút lông.  Bài tập ở phần luyện tập ở SGK. | - Hoàn thành bài tập SGK phần luyện tập.  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Phiếu học tập 5 (Giấy A4) | - Hoàn thành phiếu học tập 5/HS  - Bút bi, vở ghi chép. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | (a2.2.1) | Những hình ảnh về một số vật nuôi đang ăn. | Trò chơi | Phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam** (20 phút) | a2.2.1 | **Một số loài vật nuôi được nuôi phổ biến ở Việt Nam** | Phương pháp dạy học hợp tác Phương pháp công não. | Phiếu học tập số 2 |
| **Hoạt động 2.2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam**  (10 phút) | (a2.2.2)  (e2.2.1)  (3)  (1)  (2)  (4) | **Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam** | Phương pháp dạy học hợp tác Phương pháp công não. | Phiếu học tập số 3,4  **BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM** |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (6 phút) | (e2.2.1) | Xác định ưu – nhược điểm của từng phương thức chăn nuôi | Phương pháp công não |  |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (4 phút) | (e2.2.1) | Lựa chọn phương thức chăn nuôi phù hợp với từng giống vật nuôi | Phương pháp công não | Phiếu học tập số 5 |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biên ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Những hình ảnh về một số vật nuôi đang ăn.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 1  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 1.  + Yêu cầu các nhóm xem video (về một số vật nuôi đang ăn) và tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”. Yêu cầu các nhóm ghi lại tên những vật nuôi đang ăn gì vào phiếu trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời đại diện nhóm trình bày hiểu biết ban đầu về các loài vật nuôi.  + Sau đó, giáo viên trình chiếu ảnh về các loài vật nuôi dẫn dắt vì sao lại các loài vật nuôi khác nhau thì cho ăn thức ăn và phương thức nuôi khác nhau.  ***\* Kết luận, nhận định:***  + Giáo viên đưa ra đáp án của trò chơi.  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, cho điểm và trao phần thưởng cho nhóm đạt kết quả cao nhất trong trò chơi “Ai nhanh hơn”.  - Từ các từ khóa, GV dẫn dắt vào bài. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS chia nhóm theo yêu cầu.  + HS xem xong video (về một số vật nuôi đang ăn)  + Ghi lại tên những vật nuôi đang ăn gì vào bảng con trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời đại diện nhóm trình bày hiểu biết ban đầu về các loài vật nuôi.  + HS xem ảnh về các loài vật nuôi khác nhau thì cho ăn thức ăn và phương thức nuôi khác nhau.  để tham gia trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS chủ động kiểm tra đã trả lời được bao nhiêu câu đúng.  + HS bổ sung cho về các loài vật nuôi khác nhau thì cho ăn thức ăn và phương thức nuôi khác nhau.  theo hiểu biết cá nhân. |   **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam ( 20 phút)**  **a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam**  **b) Nội dung: Một số loài vật nuôi được nuôi phổ biến ở Việt Nam**  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 2  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 2.  + GV chiếu hình 9.1, 9.2, 9.3, 9.4 nêu các công việc cần hoàn thành ở nhiệm vụ này (nhiệm vụ ở phiếu học tập số 2). Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề. Sau đó, yêu cầu HS ghi nhận nội dung gia súc ăn cỏ.  + GV dẫn dắt HS liên hệ thực tiễn ở địa phương để kể được tên các vật nuôi ăn cỏ. GV đặt vấn đề để đi đến các giống lợn.  Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề. Sau đó, yêu cầu HS ghi nhận nội dung về các giông lợn.  + GV dẫn dắt HS liên hệ thực tiễn ở địa phương để kể được tên các các giống lơn.. GV đặt vấn đề để đi đến các loài gia cầm.  Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề. Sau đó, yêu cầu HS ghi nhận nội dung về các loài gia cầm.  + GV đặt vấn đề: Vì sao gia súc được nuôi nhiều ở khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên? Lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu? Sau khi trả lời xong GV chốt vấn đề, yêu cầu HS ghi nhận nội dung.  + GV nhận xét và giải thích thêm. ***+ Liên hệ thực tế:*** Cách lựa chọn vật nuôi và thức ăn sao cho chăn nuôi có hiệu quả cao  ***\* Kết luận, nhận định:***  + Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 2  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cặp đôi học sinh, tuyên dương những cặp đôi làm việc tích cực, khích lệ, động viên những cặp đôi chưa hoạt động sôi nổi. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS kếp hợp thành cặp đôi và nhận phiếu học tập số 2.  + HS quan sát hình 9.1, 9.2, hoàn thành các công việc được giao. Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, ghi nhận nội dung.  + HS liệt kê các loài vật nuôi ăn cỏ được nuôi nhiều ở địa phương.  + Tiếp theo các nhóm tiếp tục quan sát hình 9.3, hoàn thành các công việc được giao. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + HS liệt kê các giống lợn được nuôi nhiều ở địa phương.  + Tiếp theo các nhóm tiếp tục quan sát hình 9.4, hoàn thành các công việc được giao. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + HS liệt kê các loài gia cầm được nuôi nhiều ở địa phương.  + HS tham gia trả lời các câu hỏi từ vấn đề GV nêu. HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó ghi nhận nội dung.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). | | **Nội dung cốt lõi:**  - Các vật nuôi phỏ biến ở Việt Nam như: gia cầm, lợn được tập trung nuôi nhiều nhất ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, vùng trung du.  - Gia súc ăn cỏ được nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. | |   **Hoạt động 2.2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam(10 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Một số phương thức chăn nuôi như: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 3,4  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV phân nhóm dạng cặp đôi, phân chia nhiệm vụ.  + GV chiếu video về các phương thức chăn nuôi các loài vật nuôi  + GV yêu cầu HS quan sát và hoàn thành phiếu học tập số 5 sau khi xem video trên.  + GV quan sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời.  + Hết thời gian thảo luận, GV yêu các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Từ nội dung tìm hiểu trên, tiếp tục GV cho HS hoàn thành phiếu học tập số 6.  + Hết thời gian thảo luận, GV yêu các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Cuối cùng GV chốt lại vấn đề.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cặp đôi học sinh, tuyên dương những cặp đôi làm việc tích cực, khích lệ, động viên những cặp đôi chưa hoạt động sôi nổi. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS tập trung xem video và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung. | | **Nội dung cốt lõi:**  Có 3 phương thức chăn thả được áp dụng phổ biến ở nước ta: chăn thả, bán chăn thả, nuôi nhốt. | |   **Hoạt động 3. Luyện tập ( 6 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức về một số loài vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.  **b) Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?  - HS suy nghĩ và viết ra vở, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.  - Yêu cầu Hs hoàn thiện bài tập trong phần luyện tập SHS  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). Khen gợi các nhóm có kết quả chính xác | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** + HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS nghiên cứu tài liệu SHS để trả lời các câu hỏi:  Câu 1: Hãy quan sát và gọi tên phương thúc chăn nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.6  Câu 2: Trình bày ưu điểm và nhược điểm của phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.  Câu 3: Quan sát đặc điểm ngoại hình và cho biết tên gọi của các vật nuôi trong mỗi trường hợp ở hình 9.7  Câu 4: Trâu, bò, lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu ? Vì sao?  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + Đại diện trả lời và giải thích. + Nhận xét chéo. |   **Hoạt động 4. Vận dụng ( 4 phút)**  **a) Mục tiêu** giúp HS củng cô và vận đụng những kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiển.  **b) Nội dung:** : bài tập vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập trong SHS và phiếu học tập số 5.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + Giáo viên hướng dẫn làm bài tập ở nhà.(hoạt động cá nhân)  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào bài tập trong SHS, và phiếu học tập số 7. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** + Hs lắng nghe và hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS hoàn thành bài tập trong SHS, và phiếu học tập số 5. | | | | | | |

**IV. PHỤ LỤC**

**1. Thông tin về nội dung cập nhật liên quan đến bài dạy:**

- Một số hình ảnh sưu tầm trên internet

- Sách giáo viên và bài tập công nghệ 6.  **1 1**

**2 Công cụ đánh giá:**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN |
| 1 | Trâu | Ăn cỏ, thân cây bắp,… |
| 2 | Bò | Ăn cỏ, thân cây bắp,… |
| 3 | Gà | Ăn thóc, bắp,… |
| 4 | Lợn | Ăn cám, rau muống,.. |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN | ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH |
|  | Bò vàng Việt Nam | Ăn cỏ | Lông vàng, da mỏng |
|  | Bò sữa Hà Lan | Ăn cỏ | Long loang đen trắng, cho sữa nhiều |
|  | Bò lai Sind | Ăn cỏ | Lông vàng hoặc nâu, vai u |
|  | Trâu Việt Nam | Ăn cỏ | Da đen xám, tai mọc ngang, sưng dài |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN | ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH |
|  | Lợn Móng Cái | Thức ăn hỗn hợp | Lông trắng đen hoặc hồng, lưng hơi võng xuống |
|  | Lợn Landrace | Thức ăn hỗn hợp | Thân dài, da trắng, tai rủ xuống trước mặt, nạc nhiều |
|  | Lợn Yorkshire | Thức ăn hỗn hợp | Thân dài, da trắng, tai dựng lên, nạc nhiều |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN | ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH |
|  | Gà Ri | Thức ăn hỗn hợp | Có màu lông đa dạng |
|  | Gà Hồ | Thức ăn hỗn hợp | - Gà trống: lông có màu đen ánh xanh và màu đỏ mạn chín  - Gà mái: lông có màu trắng vàng, nâu sọc hay nâu nhạt |
|  | Vịt cỏ | Thức ăn hỗn hợp | Thân hình nhỏ bé, chạy nhanh, lông có nhiều màu |

**Phiếu học tập số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mỗi phương thức chăn nuôi được minh họa trong hình 9.5 có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của vật nuôi?** | |
| Hình 9.5a | Chăn thả:Vật nuôi tự tìm thức ăn, vật nuôi dễ mất bệnh |
| Hình 9.5b | Nuôi nhốt: con người cung cấp thức ăn cho vật nuuoi và kiểm soát được dịch bệnh |
| Hình 9.5c | Bán chăn thả: con người cung cấp thức ăn một phần, một phần vật nuôi tự kiếm thức ăn nên chậm lớn. |

**Phiếu học tập số 4**

**Hãy nêu tên 3 loài vật nuôi và cho biết phương thức chăn thả phù hợp.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI |
| 1 | Trâu Việt Nam | Chăn thả |
| 2 | Lợn Landrace | Nuôi nhốt |
| 3 | Gà Ri | Bán chăn thả |

**Bài tập SHS phần luyện tập.**

Câu 1: Hãy quan sát và gọi tên phương thúc chăn nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.6

a. Chăn nuôi theo phương thức bản chăn thả;

b. Chăn nuôi theo phương thức chăn thả;

c. Chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt.

Câu 2: Trình bày ưu điểm và nhược điểm của phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.

*Phương thức chăn nuôi chăn thả có*

- Ưu điểm: mức đầu tư thấp, kĩ thuật nuôi đơn giản.

- Nhược điểm: khó kiêm soát địch bệnh.

*Phương thức chăn nuôi nuôi nhốt*

*-* Ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, cho năng suât cao và ôn định.

- Nhược điểm: chỉ phí đầu tư cao

*Phương thức chăn môi bán chăn thả*

*-* Ưu điểm: chuông trại đơn giản, đễ nuôi, ít bệnh, tự sản xuât con giồng

- Nhược điểm: châm lớn, quy mô đàn vừa phải, khó kiêm soát.

Câu 3: Quan sát đặc điểm ngoại hình và cho biết teen gọi của các vật nuôi trong mỗi trường hợp ở hình 9.7

- Gà mái có màu lông vàng đồm; gà trống lông màu nâu sáng, lông đuôi màu đen kèm ánh xanh là gà Ri,

- Lợn có màu lông đen pha lẫn trắng, lưng hơi võng xuỗng là lợn Móng Cái;

- Vịt có dáng nặng nề, lông loang đen trắng là vịt bầu.

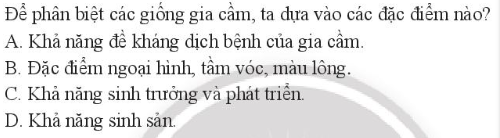
Câu 4: Trâu, bò, lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu ? Vì sao?

- Lợn, gia cầm: được nuôi nhiều ở vùng đông bằng,

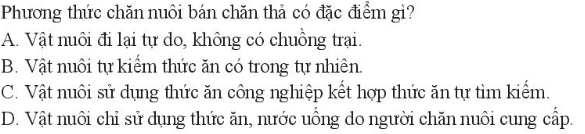
- Trâu, bò được nuôi nhiều ở trung du và miễn núi.

Vì đây là những khu vực có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi, có nguồn thức ăn tự nhiên phong phủ, khí hậu phù hợp với điều kiện sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.

**Phiếu học tập số 5**



Đáp án: B



Đáp án: C

**BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thành viên đầy đủ | 1 |  |  |
| 2 | Tổ chức làm việc nhóm: phân công tổ trưởng, thư kí; phân công việc; kế hoạch làm việc | 1 |  |  |
| 3 | Các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. Tạo không khí vui vẻ và hoà đồng giữa các thành viên trong nhóm | 2 |  |  |
| 4 | Kỷ luật trật tự và vệ sinh trong quá trình làm việc nhóm. | 2 |  |  |
| 5 | Trình bày phiếu học tập rõ ràng, đẹp  Nhận xét rõ ràng mạch lạc  Lắng nghe các nhóm khác nhận xét.  Nhận xét đúng | 3 |  |  |
| 6 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong phiếu học tập | 1 |  |  |
| Tổng | | 10 |  |  |